

**TỔNG HỢP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG DỰ KIẾN ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TẠI NÔNG THÔN
THUỘC HUYỆN XUÂN LỘC**

ĐVT: 1.000 đồng/m²

TT	Tên đường đường phố	Giá đất 2015 -2019				Giá đất ở 2015 -2019 điều chỉnh				Giá đất 2015 -2019 điều chỉnh				Ghi chú
		VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	
V	HUYỆN XUÂN LỘC					-	-	-	-	-	-	-	-	
16	Đường ngã ba cây xăng Trung Tín - ngã ba Nông trường Thọ Vực - ngã ba chế biến (xã Xuân Bắc)	180	90	70	50	-	-	-	-	-	-	-	-	Bỏ đường này quy định 2 đường mới bổ sung
64	Đường Ngõ Đức Kế (xã Xuân Trường)	210	90	70	50	350	150	110	80	210	90	70	50	sửa xã Xuân Tâm sửa thành xã Xuân Trường (chỉ sửa tên đường)
	Đường mới bổ sung trong bảng giá													
80	Đường vào UBND xã Xuân Hiệp					360	200	160	130	220	120	100	80	là các hẻm nối với Quốc Lộ 1 có mức giá thị trường tương đồng nhau, đã được nâng cấp lên thành đường trong quá trình thực hiện nông thôn mới; giá đề xuất của các tuyến đường này cao hơn Vị trí 2 của Quốc lộ 1 A đoạn qua xã Xuân Hiệp
81	Đường Xuân Hiệp 12					360	200	160	130	220	120	100	80	
82	Đường Xuân Hiệp 14					360	200	160	130	220	120	100	80	
83	Đường Việt Kiều 5 (xã Xuân Hiệp)					360	200	160	130	220	120	100	80	
84	Đường hẻm 2652/2, đường Xuân Hiệp 22					360	200	160	130	220	120	100	80	
85	Đường Xuân Hiệp - Lang Minh					360	200	160	130	220	120	100	80	
86	Đường Xuân Hiệp 2					360	200	160	130	220	120	100	80	
87	Đường Xuân Hiệp 3					360	200	160	130	220	120	100	80	
88	Đường Xuân Hiệp 4					360	200	160	130	220	120	100	80	
89	Đường Xuân Hiệp 5					360	200	160	130	220	120	100	80	
90	Đường Xuân Hiệp 6					360	200	160	130	220	120	100	80	
91	Đường Xuân Hiệp 7					360	200	160	130	220	120	100	80	
92	Đường Xuân Hiệp 8					360	200	160	130	220	120	100	80	
93	Đường Xuân Hiệp 9					360	200	160	130	220	120	100	80	
94	Đường Xuân Hiệp 10					360	200	160	130	220	120	100	80	
95	Đường Xuân Hiệp 16					360	200	160	130	220	120	100	80	
96	Đường Xuân Hiệp 17					360	200	160	130	220	120	100	80	

TT	Tên đường đường phố	Giá đất 2015 -2019				Giá đất ở 2015 -2019 điều chỉnh				Giá đất 2015 -2019 điều chỉnh				Ghi chú
		VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	
97	Đường Xuân Hiệp 25					360	200	160	130	220	120	100	80	
98	Đường đi vào Nông trường Thọ Vực					300	150	110	80	180	90	70	50	Đường ngã ba cây xăng Trung Tín - ngã ba Nông trường Thọ Vực - ngã ba chế biến (xã Xuân Bắc) được chia thành 2 đường gồm: Đường đi vào Nông trường Thọ Vực và
99	Đường đi Xuân Bắc - Long Khánh					300	150	110	80	180	90	70	50	Đường này có điểm đầu tại thửa đất số 16 tờ bản đồ số 89 và điểm cuối tại thửa đất số 57 tờ bản đồ số 120, có chiều dài khoảng 2,4 Km.
100	Đường Ấp 1 - Bảo Quang (Long Khánh)					300	150	110	80	180	90	70	50	Đường này có điểm đầu tại thửa đất số 237 tờ bản đồ số 74 và điểm cuối tại thửa đất số 430 tờ bản đồ số 102, có chiều dài khoảng 2,9 Km.
101	Đường Ấp 6 - Bảo Quang (Long Khánh)					300	150	110	80	180	90	70	50	Đường này có điểm đầu tại thửa đất số 48 tờ bản đồ số 78 và điểm cuối tại thửa đất số 9 tờ bản đồ số 81, có chiều dài khoảng 2,9 Km.
102	Đường cầu Đội 1 Ấp 8					300	150	110	80	180	90	70	50	Đường này có điểm đầu tại thửa đất số 195 tờ bản đồ số 67 và điểm cuối tại thửa đất số 80 tờ bản đồ số 49, có chiều dài khoảng 3 Km.
103	Đường vào đồi đất đỏ					300	150	110	80	180	90	70	50	Đường này có điểm đầu tại thửa đất số 6 tờ bản đồ số 34 và điểm cuối tại thửa đất số 21 tờ bản đồ số 18, có chiều dài khoảng 3,2 Km.
104	Đường SaBi					300	150	110	80	180	90	70	50	Đường này có điểm đầu tại thửa đất số 175 tờ bản đồ số 37 và điểm cuối tại thửa đất số 59 tờ bản đồ số 78 có chiều dài khoảng 3 Km.
105	Đường ấp 3B đi Nông trường Thọ Vực					300	150	110	80	180	90	70	50	